Mẫu số 01

CÔNG TY CỔ PHẦN NGUYÊN LIỆU Á CHÂU AIG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

TP.HCM, Ngày 28 tháng 08 năm 2025

CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kính gửi: **Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội**

Thực hiện quy định tại khoản 3 Điều 14 Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, Công ty Cổ phần Nguyên liệu Á Châu AIG thực hiện công bố thông tin báo cáo tài chính (BCTC) riêng Bán niên năm tài chính 2025 với Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội như sau:

1. Tên tổ chức: **Công ty Cổ phần Nguyên liệu Á Châu AIG**

- Mã chứng khoán: **AIG**
- Địa chỉ: **Lô TH-1B, Đường số 7, Khu Thương Mại Nam, Khu chế xuất Tân Thuận, Phường Tân Thuận, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam**
- Điện thoại liên hệ/Tel: **028 5416 1386**
- Fax: .....
- Email:.....
- Website: www.asiagroup-vn.com

2. Nội dung thông tin công bố:

- BCTC bán niên năm tài chính 2025

☐ BCTC riêng (TCNY không có công ty con và đơn vị kế toán cấp trên có đơn vị trực thuộc);

☐ BCTC hợp nhất (TCNY có công ty con);

☐ BCTC tổng hợp (TCNY có đơn vị kế toán trực thuộc tổ chức bộ máy kề toán riêng).

- Các trường hợp thuộc diện phải giải trình nguyên nhân:

+ Tổ chức kiểm toán đưa ra ý kiến không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần đối với BCTC (đối với BCTC được kiểm toán năm 2025):

☐ Có ☑ Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

☐ Có ☑ Không

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo có sự chênh lệch trước và sau kiểm toán từ 5% trở lên, chuyển từ lỗ sang lãi hoặc ngược lại (đối với BCTC được kiểm toán năm 2025):

☐ Có ☑ Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

☐ Có ☑ Không

+ Lợi nhuận sau thế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả kinh doanh của kỳ báo cáo thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước:

☑ Có ☐ Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

☑ Có ☐ Không

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo bị lỗ, chuyển từ lãi ở báo cáo cùng kỳ năm trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại:

☐ Có ☑ Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

☐ Có ☑ Không

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày: 28/08/2025 tại đường dẫn: **www.asiagroup-vn.com**

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin công bố.

Tài liệu đính kèm:
- BCTC bán niên riêng năm tài chính 2025
- Văn bản giải trình thay đổi lợi nhuận bán niên 2025 so với cùng kỳ

Đại diện tổ chức
Người đại diện theo pháp luật/Người UQCBTT
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)

M.S.D.N: 0314524981 - C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN NGUYÊN LIỆU Á CHÂU AIG
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Nguyễn Bảo Tùng
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN NGUYÊN LIỆU Á CHÂU AIG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

TP. Hồ Chí Minh, Ngày 28 tháng 08 năm 2025

GIẢI TRÌNH THAY ĐỔI LỢI NHUẬN BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG BÁN NIÊN 2025 SO VỚI CÙNG KỲ

Kính gửi:
- **Ủy Ban Chứng khoán nhà nước**
- **Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam**
- **Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội**

Tên Công ty: **CÔNG TY CỔ PHẦN NGUYÊN LIỆU Á CHÂU AIG**

Tên Tiếng Anh: AIG ASIA INGREDIENTS CORPORATION

Địa chỉ trụ sở chính: Lô TH-1B, Đường số 7, Khu Thương Mại Nam, Khu chế xuất Tân Thuận, Phường Tân Thuận, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại: 028 5416 1386

Website: *www.asiagroup-vn.com*

Người thực hiện CBTT: Ông Nguyễn Bảo Tùng

Chức danh: Người đại diện theo pháp luật

Loại thông tin công bố:

☒ Định kỳ ☐ Bất thường ☐Theo yêu cầu

Nội dung thông tin công bố:

Ngày 28/08/2025, CÔNG TY CỔ PHẦN NGUYÊN LIỆU Á CHÂU AIG ("Công ty") phát hành Báo cáo tài chính riêng bán niên 2025 ("Báo cáo") đã được soát xét bởi Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam.

Công ty xin giải trình nguyên nhân lợi nhuận sau thuế của bán niên 2025 tăng 59,13% so với cùng kỳ như sau:

VND

Mã số	*Chỉ tiêu*	**6 tháng 2025**	**6 tháng 2024**	**% Movement**
50	**15. Lợi nhuận thuần trước thuế**	**337.677.369.396**	**212.194.151.529**	59,14%
51	16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	(2.508.000)	-	100,00%
60	**18. Lợi nhuận sau thuế**	**337.674.861.396**	**212.194.151.529**	**59,13%**

Một số nguyên nhân:

- **Mã số 21**: Thu nhập từ cổ tức trong bán niên 2025 là 377 tỷ VND, tăng mạnh 62% so với bán niên 2024 (233 tỷ VND) để phục vụ cho mục đích M&A theo kế hoạch đề ra bởi Hội đồng quản trị. Ảnh hưởng thuần của các khoản mục khác chỉ chiếm một tỷ lệ không trọng yếu so với cổ tức trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Người đại diện theo pháp luật
TỔNG GIÁM ĐỐC

CÔNG TY CỔ PHẦN NGUYÊN LIỆU Á CHÂU AIG

Nguyễn Bảo Tùng

Công ty Cổ phần Nguyên liệu Á Châu AIG

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025

Shape the future
with confidence

Công ty Cổ phần Nguyên liệu Á Châu AIG

MỤC LỤC

	Trang
Thông tin chung	1
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2
Báo cáo soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ	3 - 4
Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ	5 - 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ	8 - 9
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ	10 - 37

Công ty Cổ phần Nguyên liệu Á Châu AIG

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Nguyên liệu Á Châu AIG ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp ("GCNĐKDN") số 0314524981 do Sở Kế hoạch và Đầu tư ("Sở KH&ĐT") Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 19 tháng 7 năm 2017, và các GCNĐKDN điều chỉnh.

Hoạt động kinh doanh chính trong kỳ hiện tại của Công ty là tư vấn quản lý (trừ tư vấn tài chính, kế toán, pháp luật), dịch vụ kho bãi và lưu giữ hàng hóa, sản xuất, phối trộn, kinh doanh nguyên liệu thực phẩm, phụ gia thực phẩm, cho thuê, điều hành, quản lý nhà và đất không để ở.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại Lô TH-1B, Đường số 7, Khu Thương mại Nam, Khu Chế xuất Tân Thuận, Phường Tân Thuận, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Thiên Trúc	Chủ tịch	miễn nhiệm ngày 21 tháng 2 năm 2025 và bổ nhiệm ngày 20 tháng 6 năm 2025
	Thành viên	bổ nhiệm ngày 21 tháng 2 năm 2025 và miễn nhiệm ngày 20 tháng 6 năm 2025
Ông Bernhard Hackl	Chủ tịch	bổ nhiệm ngày 21 tháng 2 năm 2025 và miễn nhiệm ngày 20 tháng 6 năm 2025
Ông Phạm Đăng Long	Thành viên	
Ông Nguyễn Bá Lương	Thành viên	
Ông Lars Kjaer	Thành viên	
Ông Nguyễn Quốc Bình	Thành viên	
Ông Bharat Venkatarama	Thành viên	

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban kiểm soát trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Lê Ngọc Sang	Trưởng Ban
Bà Đỗ Thị Kim Chung	Thành viên
Bà Hà Thị Bích Vân	Thành viên

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Bảo Tùng	Tổng Giám đốc	
Ông Trần Việt Hùng	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Nguyễn Bá Lương	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Phạm Đăng Long	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Phan Duy Hiếu	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Huỳnh Thanh Lâm	Phó Tổng Giám đốc	
Bà Nguyễn Thị Lệ Thủy	Giám đốc Tài chính	bổ nhiệm ngày 6 tháng 5 năm 2025
Ông Nguyễn Thảo	Giám đốc Tài chính	miễn nhiệm ngày 6 tháng 5 năm 2025

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này là Ông Nguyễn Bảo Tùng.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

Công ty Cổ phần Nguyên liệu Á Châu AIG

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Nguyên liệu Á Châu AIG ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho từng kỳ kế toán phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính giữa niên độ riêng; và
- lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính riêng giữa niên độ của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng giữa niên độ của Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2025, kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Công ty có các công ty con như được trình bày trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo. Công ty đã lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ. Ngoài ra, Công ty đã lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con ("Tập đoàn") cho giai đoạn tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 ("báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ") đề ngày 28 tháng 8 năm 2025 phù hợp với các quy định hiện hành trên áp dụng cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ nên đọc báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ nói trên để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc:

Nguyễn Bảo Tùng
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 28 tháng 8 năm 2025

Ernst & Young Vietnam Limited
2 Hai Trieu Street, Sai Gon Ward
Ho Chi Minh City, Vietnam

Tel: +84 28 3824 5252
Email: eyhcmc@vn.ey.com
Website (EN): ey.com/en_vn
Website (VN): ey.com/vi_vn

Shape the future
with confidence

Số tham chiếu: 0012117582/E-68588770/LR

BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Quý Cổ đông của Công ty Cổ phần Nguyên liệu Á Châu AIG

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Nguyên liệu Á Châu AIG ("Công ty") được lập ngày 28 tháng 8 năm 2025 và được trình bày từ trang 5 đến trang 37, bao gồm bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ vào ngày 30 tháng 6 năm 2025, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đi kèm.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính riêng giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính riêng giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

A member firm of Ernst & Young Global Limited

Shape the future
with confidence

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng giữa niên độ của Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2025, và kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam

M.S.D.N: 0300811802 - C.T.T.N. CÔNG TY TNHH ERNST & YOUNG VIỆT NAM THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Ernest Yoong Chin Kang
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNĐKHN kiểm toán
Số: 1891-2023-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 28 tháng 8 năm 2025

A member firm of Ernst & Young Global Limited

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025

VND

Mã số	*TÀI SẢN*	*Thuyết minh*	*Ngày 30 tháng 6 năm 2025*	*Ngày 31 tháng 12 năm 2024*
100	**A. TÀI SẢN NGẮN HẠN**		**443.859.599.563**	**110.974.415.544**
110	***I. Tiền và các khoản tương đương tiền***	***4***	***129.902.929.172***	***25.613.245.018***
111	1. Tiền		70.925.017.074	4.469.305.846
112	2. Các khoản tương đương tiền		58.977.912.098	21.143.939.172
130	***II. Các khoản phải thu ngắn hạn***		***290.631.742.599***	***61.758.029.676***
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	6.522.822.312	15.683.207.387
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn		978.284.468	821.007.846
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	6	20.000.000.000	25.000.000.000
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	7	263.130.635.819	20.253.814.443
140	***III. Hàng tồn kho***		***37.462.494***	***15.280.302***
141	1. Hàng tồn kho		37.462.494	15.280.302
150	***IV. Tài sản ngắn hạn khác***		***23.287.465.298***	***23.587.860.548***
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	11	892.562.589	896.937.938
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		22.388.262.709	22.684.282.610
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	13	6.640.000	6.640.000
200	**B. TÀI SẢN DÀI HẠN**		**3.354.809.768.223**	**3.428.376.898.639**
210	***I. Phải thu dài hạn***		***28.000.000***	***28.000.000***
216	1. Phải thu dài hạn khác	7	28.000.000	28.000.000
220	***II. Tài sản cố định***		***2.441.277.089***	***2.412.674.470***
221	1. Tài sản cố định hữu hình	8	1.768.516.050	1.986.419.471
222	Nguyên giá		3.641.039.545	3.585.439.545
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(1.872.523.495)	(1.599.020.074)
227	2. Tài sản cố định vô hình		672.761.039	426.254.999
228	Nguyên giá		792.962.500	505.800.000
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(120.201.461)	(79.545.001)
230	***III. Bất động sản đầu tư***	***9***	***101.124.492.190***	***104.252.053.804***
231	1. Nguyên giá		110.500.000.000	110.500.000.000
232	2. Giá trị khấu hao lũy kế		(9.375.507.810)	(6.247.946.196)
240	***IV. Tài sản dở dang dài hạn***		***1.441.182.678***	***1.403.256.428***
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		1.441.182.678	1.403.256.428
250	***V. Đầu tư tài chính dài hạn***	***10***	***3.114.761.978.291***	***3.184.744.578.291***
251	1. Đầu tư vào các công ty con		2.822.117.744.316	2.892.100.344.316
252	2. Đầu tư vào công ty liên kết		301.802.120.465	301.802.120.465
254	3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn		(9.157.886.490)	(9.157.886.490)
260	***VI. Tài sản dài hạn khác***		***135.012.837.975***	***135.536.335.646***
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	11	135.012.837.975	135.536.335.646
270	**TỔNG CỘNG TÀI SẢN**		**3.798.669.367.786**	**3.539.351.314.183**

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025

VND

Mã số	*NGUỒN VỐN*	*Thuyết minh*	*Ngày 30 tháng 6 năm 2025*	*Ngày 31 tháng 12 năm 2024*
300	**C. NỢ PHẢI TRẢ**		**599.228.463.492**	**677.585.271.285**
310	***I. Nợ ngắn hạn***		***599.228.463.492***	***677.585.271.285***
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	12	7.684.862.272	2.211.009.216
313	2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	13	922.417.355	880.641.233
315	3. Chi phí phải trả ngắn hạn	14	31.347.281.206	25.117.517.473
318	4. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		7.000.000	7.000.000
319	5. Phải trả ngắn hạn khác		166.608.503	268.809.207
320	6. Vay ngắn hạn	15	545.000.000.000	635.000.000.000
322	7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	3.14	14.100.294.156	14.100.294.156
400	**D. VỐN CHỦ SỞ HỮU**		**3.199.440.904.294**	**2.861.766.042.898**
410	***I. Vốn chủ sở hữu***	***16.1***	***3.199.440.904.294***	***2.861.766.042.898***
411	1. Vốn cổ phần		1.706.012.980.000	1.706.012.980.000
411a	*- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết*		*1.706.012.980.000*	*1.706.012.980.000*
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		174.000.000.000	174.000.000.000
421	3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		1.319.427.924.294	981.753.062.898
421a	*- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước*		*981.753.062.898*	*778.012.102.801*
421b	*- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này*		*337.674.861.396*	*203.740.960.097*
440	**TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN**		**3.798.669.367.786**	**3.539.351.314.183**

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 28 tháng 8 năm 2025

Vũ Minh Đức	Nguyễn Thị Ánh Ngọc	Nguyễn Bảo Tùng
Người lập	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025

VND

Mã số	*CHỈ TIÊU*	*Thuyết minh*	*Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025*	*Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024*
10	**1. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ**	**17.1**	**17.169.318.472**	**10.228.831.696**
11	**2. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp**	**18**	**(11.259.157.733)**	**(5.376.780.109)**
20	**3. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ**		**5.910.160.739**	**4.852.051.587**
21	**4. Doanh thu hoạt động tài chính**	**17.2**	**378.664.956.428**	**232.595.156.506**
22	**5. Chi phí tài chính**	**19**	**(16.106.908.866)**	**(4.836.260.274)**
23	*Trong đó: Chi phí lãi vay*		*(16.103.356.157)*	*(4.836.260.274)*
25	**6. Chi phí bán hàng**		**(20.772.500)**	**-**
26	**7. Chi phí quản lý doanh nghiệp**	**20**	**(30.657.697.230)**	**(20.396.813.614)**
30	**8. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh**		**337.789.738.571**	**212.214.134.205**
31	**9. Thu nhập khác**		**497.755**	**20.664**
32	**10. Chi phí khác**		**(112.866.930)**	**(20.003.340)**
40	**11. Lỗ khác**		**(112.369.175)**	**(19.982.676)**
50	**12. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế**		**337.677.369.396**	**212.194.151.529**
51	**13. Chi phí thuế TNDN hiện hành**	**21.1**	**(2.508.000)**	**-**
60	**14. Lợi nhuận sau thuế TNDN**		**337.674.861.396**	**212.194.151.529**

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 28 tháng 8 năm 2025

Vũ Minh Đức	Nguyễn Thị Ánh Ngọc	Nguyễn Bảo Tùng
Người lập	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025

VND

Mã số	*CHỈ TIÊU*	*Thuyết minh*	*Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025*	*Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024*
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	**Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế**		**337.677.369.396**	**212.194.151.529**
	Điều chỉnh cho các khoản:			
02	Khấu hao và hao mòn		3.441.721.495	3.420.064.668
05	Lãi từ hoạt động đầu tư	17.2	(378.664.956.428)	(232.595.156.506)
06	Chi phí lãi vay	19	16.103.356.157	4.836.260.274
08	**Lỗ từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động**		**(21.442.509.380)**	**(12.144.680.035)**
09	Giảm các khoản phải thu		10.360.754.738	27.600.431.410
10	Tăng hàng tồn kho		(22.182.192)	(15.382.669)
11	Tăng (giảm) các khoản phải trả		6.259.836.050	(139.137.498.199)
12	Giảm (tăng) chi phí trả trước		527.873.020	(115.841.061.728)
14	Tiền lãi vay đã trả		(10.720.000.000)	-
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	13	(2.508.000)	-
20	**Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động kinh doanh**		**(15.038.735.764)**	**(239.538.191.221)**
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm tài sản cố định		(1.164.438.750)	(2.882.632.998)
23	Tiền chi cho vay		(10.000.000.000)	-
24	Tiền thu hồi cho vay		15.000.000.000	-
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	(561.043.138.059)
26	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		69.982.600.000	130.000.000.000
27	Tiền thu cổ tức và lãi tiền gửi		135.510.258.668	74.709.002.508
30	**Lưu chuyển tiền thuần từ (sử dụng vào) hoạt động đầu tư**		**209.328.419.918**	**(359.216.768.549)**
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
33	Tiền thu từ đi vay	15	-	620.000.000.000
34	Tiền trả nợ gốc vay	15	(90.000.000.000)	(10.000.000.000)
40	**Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào) từ hoạt động tài chính**		**(90.000.000.000)**	**610.000.000.000**

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025

VND

Mã số	*CHỈ TIÊU*	*Thuyết minh*	*Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025*	*Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024*
50	**Lưu chuyển tiền và tương đương tiền thuần trong kỳ**		**104.289.684.154**	**11.245.040.230**
60	**Tiền và tương đương tiền đầu kỳ**		**25.613.245.018**	**30.500.208.297**
70	**Tiền và tương đương tiền cuối kỳ**	**4**	**129.902.929.172**	**41.745.248.527**

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 28 tháng 8 năm 2025

Vũ Minh Đức	Nguyễn Thị Ánh Ngọc	Nguyễn Bảo Tùng
Người lập	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc

1. THÔNG TIN CÔNG TY

Công ty Cổ phần Nguyên liệu Á Châu AIG ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp ("GCNĐKDN") số 0314524981 do Sở Kế hoạch và Đầu tư ("Sở KH&ĐT") Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 19 tháng 7 năm 2017 và các GCNĐKDN điều chỉnh.

Hoạt động kinh doanh chính trong kỳ hiện tại của Công ty là tư vấn quản lý (trừ tư vấn tài chính, kế toán, pháp luật), dịch vụ kho bãi và lưu giữ hàng hóa, sản xuất, phối trộn, kinh doanh nguyên liệu thực phẩm, phụ gia thực phẩm, cho thuê, điều hành, quản lý nhà và đất không để ở.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại Lô TH-1B, Đường số 7, Khu Thương mại Nam, Khu Chế xuất Tân Thuận, Phường Tân Thuận, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Số lượng nhân viên của Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 là 62 (ngày 31 tháng 12 năm 2024: 61).

Cơ cấu tổ chức

Công ty có 10 công ty con trực tiếp, 3 công ty con gián tiếp, 1 công ty liên kết trực tiếp và 2 công ty liên kết gián tiếp, chi tiết như sau:

Các Công ty con bao gồm:

- *Công ty Cổ phần Hóa chất Á Châu ("ACC")*

  ACC là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKKD số 0304918352 do Sở KH&ĐT Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 9 tháng 4 năm 2007 và các GCNĐKKD, GCNĐKDN điều chỉnh. ACC có trụ sở chính đăng ký tại Lô K4B, Khu Công nghiệp Lê Minh Xuân, Đường số 4, Xã Lê Minh Xuân, Huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Hoạt động chính theo đăng ký của ACC là cung cấp sản phẩm và dịch vụ cho nhiều ngành công nghiệp bao gồm thực phẩm và nước giải khát, sản phẩm từ sữa, thủy sản, dược phẩm và bánh kẹo.

  Tại ngày 30 tháng 6 năm 2025, Công ty nắm 96,34% tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết trong ACC (ngày 31 tháng 12 năm 2024: 96,34% tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết).

- *Công ty Cổ phần Nguyên liệu Thực phẩm Á Châu Sài Gòn ("AFI")*

  AFI là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKKD số 3700916876 do Sở KH&ĐT Tỉnh Bình Dương cấp ngày 7 tháng 5 năm 2008 và các GCNĐKKD, GCNĐKDN điều chỉnh. AFI có trụ sở chính đăng ký tại Lô C-9E-CN, Khu Công nghiệp Mỹ Phước 3, Phường Thới Hòa, Thành phố Bến Cát, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam. Hoạt động chính theo đăng ký hiện tại của AFI là sản xuất thực phẩm, các sản phẩm kem béo thực vật và các loại nguyên liệu thực phẩm khác.

  Tại ngày 30 tháng 6 năm 2025, Công ty nắm 64,01% tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết trong AFI (ngày 31 tháng 12 năm 2024: 64,01% tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết).

- *Công ty Cổ phần Chế biến Dừa Á Châu ("ACP")*

  ACP là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKDN số 1300975859 do Sở KH&ĐT Tỉnh Bến Tre cấp ngày 19 tháng 12 năm 2014 và các GCNĐKDN điều chỉnh. ACP có trụ sở chính đăng ký tại Lô EI-2, EI-3, EI-4, Khu Công nghiệp Giao Long - Giai đoạn II, Xã An Phước, Huyện Châu Thành, Tỉnh Bến Tre, Việt Nam. Hoạt động chính theo đăng ký hiện tại của ACP là sản xuất, kinh doanh các sản phẩm từ dừa (cơm dừa sấy khô, bột sữa dừa, sữa dừa, nước cốt dừa đông lạnh, thạch dừa và dầu dừa) phục vụ cho thị trường trong nước và xuất khẩu.

  Tại ngày 30 tháng 6 năm 2025, Công ty nắm 73,42% tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết trong ACP (ngày 31 tháng 12 năm 2024: 73,42% tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết).

1. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY (tiếp theo)

Cơ cấu tổ chức (tiếp theo)

Công ty có 10 công ty con trực tiếp, 3 công ty con gián tiếp, 1 công ty liên kết trực tiếp và 2 công ty liên kết gián tiếp, chi tiết như sau: (tiếp theo)

Các Công ty con bao gồm: (tiếp theo)

- *Công ty Cổ phần APIS ("APIS")*

  APIS là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKDN số 0312705358 do Sở KH&ĐT Tỉnh Bình Dương cấp ngày 25 tháng 3 năm 2014 và các GCNĐKDN điều chỉnh. APIS có trụ sở chính đăng ký tại Lô số 18A VSIP II - A, Đường số 27, Khu Công nghiệp Việt Nam - Singapore II - A, Xã Vĩnh Tân, Thành phố Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam. Hoạt động chính theo đăng ký hiện tại của APIS là sản xuất, kinh doanh nguyên liệu thực phẩm, thực phẩm chức năng và tinh dầu.

  Tại ngày 30 tháng 6 năm 2025, Công ty nắm 76,96% tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết trong APIS (ngày 31 tháng 12 năm 2024: 76,96% tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết).

- *Công ty Cổ phần Á Châu Hoa Sơn ("AHS")*

  AHS trước đây là Công ty TNHH Chế Biến Nông Sản Hoa Sơn được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKKD số 2901627664 do Sở KH&ĐT Tỉnh Nghệ An cấp ngày 23 tháng 5 năm 2013, và các GCNĐKKD, GCNĐKDN điều chỉnh. Công ty được đổi tên theo GCNĐKDN điều chỉnh số 2901627664 do Sở KH&ĐT Tỉnh Nghệ An cấp ngày 13 tháng 12 năm 2018. AHS có trụ sở chính tại Xóm 12, Xã Hoa Sơn, Huyện Anh Sơn, Tỉnh Nghệ An, Việt Nam. Hoạt động chính theo đăng ký của AHS là sản xuất tinh bột và các sản phẩm từ tinh bột; sản xuất đường, thức ăn gia súc, gia cầm, thủy sản.

  Tại ngày 30 tháng 6 năm 2025, Công ty nắm giữ 99,995% tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết trong AHS (ngày 31 tháng 12 năm 2024: 99,995% tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết).

- *Công ty TNHH Thực phẩm AFC ("AFC")*

  AFC là một công ty công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKDN số 3702533540 do Sở KH&ĐT Tỉnh Bình Dương cấp ngày 10 tháng 2 năm 2017 và các GCNĐKDN điều chỉnh. AFC có trụ sở chính đăng ký tại Lô C-9F-CN, Khu Công nghiệp Mỹ Phước 3, Phường Thới Hòa, Thành phố Bến Cát, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam. Hoạt động kinh doanh chính theo đăng ký của AFC là sản xuất và kinh doanh thực phẩm.

  Tại ngày 30 tháng 6 năm 2025, Công ty nắm 100% tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết trong AFC (ngày 31 tháng 12 năm 2024: 100% tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết).

- *Công ty Cổ phần Thương mại VICTA ("VICTA")*

  VICTA trước đây là Công ty Cổ phần Hóa chất Công nghiệp Á Châu ("AIC") được thành lập theo luật doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKDN số 0313428499 do Sở KH&ĐT Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 7 tháng 9 năm 2015 và các GCNĐKDN điều chỉnh. Công ty được đổi tên theo GCNĐKDN điều chỉnh số 0313428499 do Sở KH&ĐT Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 6 tháng 4 năm 2023. VICTA có trụ sở chính đăng ký tại Lô TH-1B, Đường số 7, Khu Thương mại Nam, Khu Chế xuất Tân Thuận, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Hoạt động chính theo đăng ký hiện tại của VICTA là bán buôn hóa chất trong lĩnh vực công nghiệp, bán buôn thức ăn và nguyên liệu làm thức ăn cho gia súc, gia cầm và thủy sản, cho thuê, điều hành, quản lý nhà và đất không để ở.

  Tại ngày 30 tháng 6 năm 2025, Công ty nắm giữ 99,98% tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết trong VICTA (ngày 31 tháng 12 năm 2024: 99,98% tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết).

1. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY (tiếp theo)

Cơ cấu tổ chức (tiếp theo)

Công ty có 10 công ty con trực tiếp, 3 công ty con gián tiếp, 1 công ty liên kết trực tiếp và 2 công ty liên kết gián tiếp, chi tiết như sau: (tiếp theo)

Các Công ty con bao gồm: (tiếp theo)

- *Công ty Cổ phần Công nghệ Nông sản Á Châu ("ATC")*

  ATC là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKDN số 3502478571 do Sở KH&ĐT Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp ngày 13 tháng 6 năm 2022. ATC có trụ sở chính tại: Lô L, Đường Đ.20, KCN Châu Đức, Thôn Hữu Phước, Xã Suối Nghệ, Huyện Châu Đức, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, Việt Nam. Hoạt động chính theo đăng ký của ATC là sản xuất, gia công và bán buôn cà phê.

  Tại ngày 30 tháng 6 năm 2025, Công ty nắm 99,50% phần vốn chủ sở hữu và quyền biểu quyết trong ATC (ngày 31 tháng 12 năm 2024: 99,50% phần vốn chủ sở hữu và quyền biểu quyết).

- *Công ty Asia Chemical Corporation (ACC) Pte. Ltd ("ACC PTE")*

  ACC PTE là một công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên được thành lập tại Singapore theo Giấy chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 201756070K do Cơ quan Kế toán và Doanh nghiệp Singapore cấp ngày 15 tháng 12 năm 2017. ACC PTE có trụ sở chính đăng ký tại 160 Robinson Rd, #26-04 SBF Center, Singapore 068914. Hoạt động chính theo đăng ký của ACC PTE là tư vấn doanh nghiệp và quản lý; kinh doanh buôn bán chung (bao gồm xuất nhập khẩu chung).

  Tại ngày 30 tháng 6 năm 2025, Công ty nắm giữ 96,34% tỷ lệ sở hữu và 100% quyền biểu quyết trong ACC PTE (ngày 31 tháng 12 năm 2024: 96,34% tỷ lệ sở hữu và 100% quyền biểu quyết) thông qua công ty con.

- *Công ty TNHH Á Châu Healthcare ("AHC")*

  AHC trước đây là Công ty TNHH Pierre Fabre Việt Nam được thành lập tại Việt Nam theo GCNĐKKD số 3600246593 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Đồng Nai cấp ngày 23 tháng 10 năm 1995 và theo các GCNĐKKD, GCNĐKDN điều chỉnh. Công ty được đổi tên theo GCNĐKDN điều chỉnh số 3600246593 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp ngày 20 tháng 08 năm 2020. AHC có trụ sở chính tại Số 01, đường 4A, Khu Công nghiệp Biên Hòa 2, Phường Long Bình Tân, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam. Hoạt động chính theo đăng ký của AHC là sản xuất thuốc, hóa dược và dược liệu.

  Tại ngày 30 tháng 6 năm 2025, Công ty nắm giữ 91,52% tỷ lệ sở hữu và 95,00% quyền biểu quyết trong AHC (ngày 31 tháng 12 năm 2024: 91,52% tỷ lệ sở hữu và 95,00% quyền biểu quyết) thông qua công ty con.

- *Công ty Cổ phần Mekong Delta Gourmet ("MDG")*

  MDG là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKDN số 1102039618 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Long An cấp ngày 26 tháng 9 năm 2023. MDG có trụ sở chính tại Lô C2, Đường Dọc 2, KCN Phú An Thạnh, Xã An Thạnh, Huyện Bến Lức, Tỉnh Long An, Việt Nam. Hoạt động chính theo đăng ký của MDG là chế biến và bảo quản rau quả.

  Tại ngày 30 tháng 6 năm 2025 và ngày 31 tháng 12 năm 2024, Công ty nắm giữ 99,2% tỷ lệ sở hữu (nắm giữ trực tiếp 98% và nắm giữ gián tiếp thông qua công ty con là 1,2%) và 99,87% quyền biểu quyết trong MDG.

1. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY (tiếp theo)

Cơ cấu tổ chức (tiếp theo)

Công ty có 10 công ty con trực tiếp, 3 công ty con gián tiếp, 1 công ty liên kết trực tiếp và 2 công ty liên kết gián tiếp, chi tiết như sau: (tiếp theo)

Các Công ty con bao gồm: (tiếp theo)

- *Công ty Cổ phần Asia Specialty Ingredients ("ASI")*

  ASI là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKDN số 0901155640 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Hưng Yên cấp ngày 29 tháng 2 năm 2024. ASI có trụ sở chính tại Thôn Chi Long, Xã Ngọc Long, Huyện Yên Mỹ, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam. Hoạt động chính theo đăng ký của ASI là sản xuất hương liệu.

  Tại ngày 30 tháng 6 năm 2025, Công ty nắm giữ 83,00% tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết trong ASI (ngày 31 tháng 12 năm 2024: 83,00% tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết).

- *Công ty Cổ phần Thực phẩm Asia Shimakyu ("AFS")*

  AFS là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKDN số 3703261917 do Sở KH&ĐT Tỉnh Bình Dương cấp ngày 12 tháng 11 năm 2024. AFS có trụ sở chính đăng ký tại Số 18A-18B VSIP II-A, Đường số 27, Khu công nghiệp Việt Nam – Singapore II-A, Phường Vĩnh Tân, Thành phố Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam. Hoạt động chính theo đăng ký hiện tại của AFS là sản xuất, phối trộn và đóng gói sản phẩm, nguyên liệu thực phẩm và phụ gia thực phẩm.

  Vào ngày 30 tháng 6 năm 2025, Công ty nắm 49,03% tỷ lệ sở hữu và 65,00% quyền biểu quyết trong AFS (ngày 31 tháng 12 năm 2024: 50,03% tỷ lệ sở hữu và 65,00% quyền biểu quyết) thông qua công ty con.

Công ty liên kết:

- *Công ty Cổ phần Thực phẩm G.C ("GCF")*

  GCF là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKKD số 3602503768 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Đồng Nai cấp ngày 31 tháng 5 năm 2011 và theo các GCNĐKKD, GCNĐKDN điều chỉnh. GCF có trụ sở chính tại Lô V-2E, Đường số 11, KCN Hố Nai, Xã Hố Nai 3, Huyện Trảng Bom, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam. Hoạt động chính theo đăng ký của GCF là bán buôn thực phẩm.

  Tại ngày 30 tháng 6 năm 2025, Công ty nắm giữ 42,43% phần vốn chủ sở hữu trong GCF (ngày 31 tháng 12 năm 2024: 44.50% tỷ lệ sở hữu).

1. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY (tiếp theo)

Cơ cấu tổ chức (tiếp theo)

Công ty có 10 công ty con trực tiếp, 3 công ty con gián tiếp, 1 công ty liên kết trực tiếp và 2 công ty liên kết gián tiếp, chi tiết như sau: (tiếp theo)

Công ty liên kết: (tiếp theo)

- *Công ty Cổ phần Tảo Vĩnh Hảo ("TVH")*

  TVH là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo GCNĐKKD số 3400516059 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Thuận cấp ngày 04 tháng 02 năm 2008 và các GCNĐKKD, GCNĐKDN điều chỉnh. TVH có trụ sở chính tại Thôn Vĩnh Sơn, Xã Vĩnh Hảo, Huyện Tuy Phong, Tỉnh Bình Thuận, Việt Nam. Hoạt động chính theo đăng ký của TVH là sản xuất tảo Sprirulina, thực phẩm chức năng, mỹ phẩm, xà phòng, thức ăn gia súc gia cầm và thủy sản.

  Tại ngày 30 tháng 6 năm 2025, Tập đoàn nắm giữ 49% phần vốn chủ sở hữu trong TVH (ngày 31 tháng 12 năm 2024: 49% tỷ lệ sở hữu) thông qua công ty con.

- *Công ty Cổ phần Công Nghiệp Lạnh Á Châu ("ACI")*

  ACI là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKDN số 1101880095 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Long An cấp ngày 16 tháng 4 năm 2018 và theo các GCNĐKDN điều chỉnh. ACI có trụ sở chính tại Lô 3C-6, Đường số 12, KCN Long Hậu 3, Xã Long Hậu, Huyện Cần Giuộc, Tỉnh Long An, Việt Nam. Hoạt động chính theo đăng ký của ACI là vận tải hàng hóa bằng đường bộ, kho bãi và lưu giữ hàng hóa.

  Tại ngày 30 tháng 6 năm 2025, Tập đoàn nắm giữ 20% phần vốn chủ sở hữu trong ACI (ngày 31 tháng 12 năm 2024: 40% tỷ lệ sở hữu) thông qua các công ty con.

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Mục đích lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Công ty có các công ty con như được trình bày tại *Thuyết minh số* 1 và *Thuyết minh số 10.1*. Công ty đã lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ. Ngoài ra, Công ty đã lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con ("Tập đoàn") cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 ("báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ") đề ngày 28 tháng 8 năm 2025 phù hợp với các quy định hiện hành trên áp dụng cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ nên đọc báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ nói trên để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn.

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)

2.2 *Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng*

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 27 – Báo cáo tài chính giữa niên độ và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam khác do Bộ Tài chính ban hành theo:

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính riêng giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.3 *Hình thức sổ kế toán áp dụng*

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là Nhật ký chung.

2.4 *Kỳ kế toán năm*

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính riêng bắt đầu vào ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

2.5 *Đơn vị tiền tệ kế toán*

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được lập bằng đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là VND.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 *Tiền và các khoản tương đương tiền*

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3.2 *Các khoản phải thu*

Các khoản phải thu được trình bày trên bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi cấn trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.2 *Các khoản phải thu* (tiếp theo)

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ. Khi các khoản nợ phải thu khó đòi được xác định là không thể thu hồi được và kế toán thực hiện xóa nợ, các khoản chênh lệch phát sinh giữa số dự phòng nợ phải thu khó đòi và giá gốc nợ phải thu được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

3.3 *Tài sản cố định hữu hình*

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sẵn sàng hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

3.4 *Tài sản cố định vô hình*

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến và chi phí để tháo dỡ, di dời tài sản và khôi phục hiện trường tại địa điểm đặt tài sản, nếu có.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

3.5 *Thuê tài sản*

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó tại thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Thỏa thuận thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu theo hợp đồng thuê tài sản bên cho thuê chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản cho bên đi thuê. Tất cả các thỏa thuận thuê tài sản khác được phân loại là thuê hoạt động.

Trong trường hợp Công ty là bên cho thuê

Tài sản theo hợp đồng cho thuê hoạt động được ghi nhận là tài sản cố định trên bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ. Chi phí trực tiếp ban đầu để thương thảo thỏa thuận cho thuê hoạt động được ghi nhận vào giá trị tài sản cho thuê và phân bổ dần vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ theo thời hạn của hợp đồng thuê.

Thu nhập từ tiền cho thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

Trong trường hợp Công ty là bên đi thuê

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn của hợp đồng thuê.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.6 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Máy móc thiết bị	3 - 8 năm
Phương tiện vận tải	6 năm
Thiết bị văn phòng	5 năm
Nhãn hiệu, tên thương mại	10 năm
Tài sản khác	6 năm

3.7 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang thể hiện chi phí mua sắm mới tài sản chưa được lắp đặt xong hoặc chi phí xây dựng cơ bản chưa được hoàn thành. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang được ghi nhận theo giá gốc bao gồm toàn bộ chi phí cần thiết để xây dựng mới hoặc sửa chữa, cải tạo, mở rộng hay trang bị lại kỹ thuật công trình như chi phí xây dựng, chi phí thiết bị, chi phí quản lý dự án, chi phí tư vấn đầu tư xây dựng và chi phí vay đủ điều kiện được vốn hóa.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang sẽ được chuyển sang tài khoản tài sản cố định thích hợp khi các tài sản này được lắp đặt xong hoặc dự án xây dựng được hoàn thành và khấu hao của các tài sản này sẽ được bắt đầu trích khi các tài sản này đã sẵn sàng cho mục đích sử dụng.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang ghi nhận vào chi phí trong kỳ trong trường hợp chi phí xây dựng cơ bản dở dang không đủ điều kiện để ghi nhận là tài sản cố định.

3.8 Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá bao gồm cả các chi phí giao dịch liên quan trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Đối với bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá, Công ty không trích khấu hao mà xác định tổn thất do giảm giá trị.

Các khoản chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được hạch toán vào giá trị còn lại của bất động sản đầu tư khi Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu của bất động sản đầu tư đó.

Khấu hao và hao mòn bất động sản đầu tư được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các bất động sản như sau:

Nhà xưởng, vật kiến trúc	18 năm

3.9 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty. Chi phí đi vay được hạch toán như chi phí phát sinh trong kỳ.

3.10 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán riêng và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Tiền thuê đất trả trước

Tiền thuê đất trả trước bao gồm số dư chưa phân bổ hết của khoản tiền thuê đất đã trả theo hợp đồng thuê lại đất ký với Công ty Cổ phần Thương mại VICTA vào ngày 29 tháng 12 năm 2023 trong thời hạn 18 năm. Theo Thông tư 45, khoản tiền thuê đất trả trước nói trên được ghi nhận như chi phí trả trước dài hạn và được phân bổ vào chi phí trong thời gian còn lại của hợp đồng thuê.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.11 Các khoản đầu tư

Đầu tư vào công ty con

Các khoản đầu tư vào công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ của Công ty. Các khoản phân phối từ trước thời điểm nắm giữ quyền kiểm soát được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Đầu tư vào các công ty liên kết

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận từ lợi nhuận thuần lũy kế của các công ty liên kết sau ngày Công ty có ảnh hưởng đáng kể được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Đầu tư vào liên doanh

Các khoản đầu tư vào các công ty liên doanh mà trong đó Công ty có quyền đồng kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận từ lợi nhuận thuần lũy kế của các công ty liên doanh sau ngày Công ty có quyền đồng kiểm soát được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tăng hoặc giảm số dư dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau khi ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

3.12 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được mà không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.13 Vốn góp của chủ sở hữu

Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo giá phát hành trừ đi các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, sau khi trừ đi các ảnh hưởng thuế. Các chi phí này được ghi nhận là một khoản khấu trừ từ thặng dư vốn cổ phần.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh khoản chênh lệch giữa mệnh giá và giá phát hành cổ phiếu trừ đi chi phí phát hành cổ phiếu thực tế phát sinh.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.14 Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại đại hội đồng cổ đông thường niên.

Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

Quỹ khen thưởng và phúc lợi

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ.

3.15 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được đo lường bằng giá thị trường của các khoản phải thu, loại trừ các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Bên cạnh các yêu cầu cơ bản, Công ty có các chính sách ghi nhận doanh thu cụ thể sau đây:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

Doanh thu từ dịch vụ tư vấn quản lý

Công ty xác định và ghi nhận doanh thu dựa trên biên bản nghiệm thu kết quả công việc tư vấn quản lý.

Doanh thu cho thuê

Thu nhập từ tiền cho thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

Doanh thu từ tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.16 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho kỳ hiện hành và các kỳ trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của các khoản mục này trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi Công ty có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- Tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận tính thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.16 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ kế toán khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế.

3.17 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan nêu trên có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên mật thiết trong gia đình họ.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

VND

	Ngày 30 tháng 6 năm 2025	*Ngày 31 tháng 12 năm 2024*
Tiền mặt	141.176.377	4.720.000
Tiền gửi ngân hàng	70.783.840.697	4.464.585.846
Các khoản tương đương tiền *(*)*	58.977.912.098	21.143.939.172
TỔNG CỘNG	**129.902.929.172**	**25.613.245.018**

(*) Các khoản tương đương tiền thể hiện các khoản tiền gửi tiết kiệm tại các ngân hàng thương mại, có thời hạn gốc một (1) tháng và hưởng lãi suất bình quân 4,2%/năm.

5. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

VND

	Ngày 30 tháng 6 năm 2025	*Ngày 31 tháng 12 năm 2024*
Phải thu các bên khác	6.481.685.570	-
Công ty TNHH FES (Việt Nam)	*6.461.885.570*	-
Khác	*19.800.000*	-
Phải thu bên liên quan *(Thuyết minh số 22)*	41.136.742	15.683.207.387
TỔNG CỘNG	**6.522.822.312**	**15.683.207.387**

6. PHẢI THU VỀ CHO VAY NGẮN HẠN

Đây là các khoản cho công ty trong Tập đoàn vay để tài trợ vốn lưu động. Chi tiết khoản cho vay ngắn hạn như sau:

Bên đi vay	*Ngày 30 tháng 6 năm 2025 (VND)*	*Ngày đáo hạn*	*Tài sản đảm bảo*
Công ty Cổ phần Asia Specialty Ingredients *(Thuyết minh số 22)*	20.000.000.000	Từ ngày 22 tháng 7 năm 2025 đến ngày 25 tháng 9 năm 2025	Tín chấp

7. PHẢI THU KHÁC

VND

	Ngày 30 tháng 6 năm 2025	*Ngày 31 tháng 12 năm 2024*
Ngắn hạn	**263.130.635.819**	**20.253.814.443**
Cổ tức được chia	254.744.256.000	12.000.000.000
Tạm ứng cho nhân viên	6.054.097.097	5.759.118.762
Đặt cọc	716.639.691	567.639.691
Lãi cho vay và tiền gửi ngân hàng	615.166.292	204.724.532
Khác	1.000.476.739	1.722.331.458
Dài hạn	**28.000.000**	**28.000.000**
Đặt cọc	28.000.000	28.000.000
TỔNG CỘNG	**263.158.635.819**	**20.281.814.443**
Trong đó:		
Phải thu các bên liên quan (Thuyết minh số 22)	*245.246.287.507*	*12.197.773.972*
Phải thu các bên khác	*17.912.348.312*	*8.084.040.471*

8. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

VND

	Máy móc thiết bị	*Phương tiện vận tải*	*Thiết bị văn phòng*	*Tổng cộng*
Nguyên giá:				
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2024	1.598.035.000	1.901.040.909	86.363.636	3.585.439.545
Mua trong kỳ	-	-	55.600.000	55.600.000
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2025	1.598.035.000	1.901.040.909	141.963.636	3.641.039.545
Giá trị khấu hao lũy kế:				
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2024	(207.333.960)	(1.372.973.992)	(18.712.122)	(1.599.020.074)
Khấu hao trong kỳ	(103.666.980)	(158.420.076)	(11.416.365)	(273.503.421)
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2025	(311.000.940)	(1.531.394.068)	(30.128.487)	(1.872.523.495)
Giá trị còn lại:				
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2024	1.390.701.040	528.066.917	67.651.514	1.986.419.471
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2025	1.287.034.060	369.646.841	111.835.149	1.768.516.050

9. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

VND

	Nhà cửa, vật kiến trúc
Nguyên giá:	
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và vào ngày 30 tháng 6 năm 2025	110.500.000.000
Giá trị hao mòn lũy kế:	
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2024	(6.247.946.196)
Hao mòn trong kỳ	(3.127.561.614)
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2025	(9.375.507.810)
Giá trị còn lại:	
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2024	104.252.053.804
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2025	101.124.492.190

10. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

VND

	Ngày 30 tháng 6 năm 2025	*Ngày 31 tháng 12 năm 2024*
Đầu tư vào các công ty con *(Thuyết minh số 10.1)*	2.822.117.744.316	2.892.100.344.316
Đầu tư vào công ty liên kết *(Thuyết minh số 10.2)*	301.802.120.465	301.802.120.465
TỔNG CỘNG	**3.123.919.864.781**	**3.193.902.464.781**
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	(9.157.886.490)	(9.157.886.490)
GIÁ TRỊ THUẦN	**3.114.761.978.291**	**3.184.744.578.291**

10. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

10.1 Đầu tư vào các công ty con

Chi tiết các khoản đầu tư vào các công ty con như sau:

Tên công ty con	*Hoạt động kinh doanh*	*Tình trạng*	*Ngày 30 tháng 6 năm 2025*		*Ngày 31 tháng 12 năm 2024*	
			% sở hữu (%)	*Giá trị* VND	*% sở hữu* (%)	*Giá trị* VND
Công ty Cổ phần Hóa chất Á Châu	Cung cấp sản phẩm và dịch vụ cho nhiều ngành công nghiệp bao gồm thực phẩm và nước giải khát, sản phẩm từ sữa, thủy sản, dược phẩm, thức ăn chăn nuôi và bánh kẹo	Đang hoạt động	96,34	718.020.621.828	96,34	718.020.621.828
Công ty Cổ phần Nguyên liệu Thực phẩm Á Châu Sài Gòn	Sản xuất thực phẩm, các sản phẩm kem béo thực vật và các loại nguyên liệu thực phẩm khác	Đang hoạt động	64,01	503.512.000.000	64,01	503.512.000.000
Công ty Cổ phần Á Châu Hoa Sơn	Sản xuất tinh bột và các sản phẩm từ tinh bột; sản xuất đường, thức ăn gia súc, gia cầm, thủy sản	Đang hoạt động	99,995	450.205.902.488	99,995	450.205.902.488
Công ty Cổ phần Chế biến Dừa Á Châu	Sản xuất, kinh doanh các sản phẩm từ dừa (cơm dừa sấy khô, bột sữa dừa, sữa dừa, nước cốt dừa đông lạnh, thạch dừa và dầu dừa)	Đang hoạt động	73,42	324.513.000.000	73,42	324.513.000.000
Công ty Cổ phần Mekong Delta Gourmet	Chế biến và bảo quản rau quả	Đang hoạt động	98,00	264.600.000.000	98,00	264.600.000.000
Công ty Cổ phần Thương mại VICTA *(*)*	Bán buôn hóa chất trong lĩnh vực công nghiệp, bán buôn thức ăn và nguyên liệu làm thức ăn cho gia súc, gia cầm và thủy sản	Đang hoạt động	99,98	158.948.720.000	99,98	228.931.320.000
Công ty Cổ phần Công nghệ Nông sản Á Châu	Sản xuất, gia công và bán buôn cà phê	Chưa hoạt động	99,50	199.000.000.000	99,50	199.000.000.000
Công ty Cổ phần APIS	Sản xuất, kinh doanh nguyên liệu thực phẩm, thực phẩm chức năng và tinh dầu	Đang hoạt động	76,96	128.067.500.000	76,96	128.067.500.000
Công ty TNHH Thực phẩm AFC	Sản xuất và kinh doanh thực phẩm	Chưa hoạt động	100,00	37.900.000.000	100,00	37.900.000.000
Công ty Cổ phần Asia Specialty Ingredients	Sản xuất hương liệu	Đang hoạt động	83,00	37.350.000.000	83,00	37.350.000.000
TỔNG CỘNG				**2.822.117.744.316**		**2.892.100.344.316**
Dự phòng đầu tư vào các công ty con				(9.157.886.490)		(9.157.886.490)
GIÁ TRỊ THUẦN				**2.812.959.857.826**		**2.882.942.457.826**

10. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

10.1 Đầu tư vào các công ty con (tiếp theo)

(*) Vào ngày 21 tháng 1 năm 2025, Đại hội đồng Cổ đông của Công ty đã phê duyệt Nghị quyết Số 01/2025/NQ-ĐHĐCĐ về việc giảm vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Thương mại VICTA từ 220.000.000.000 VND xuống 150.000.0000.000 VND theo hình thức hoàn trả một phần vốn góp cho cổ đông theo tỷ lệ sở hữu cổ phần. Theo đó, Công ty đã được hoàn trả một phần vốp góp trị giá 69.982.600.000 VND, tương ứng với 6.998.260 cổ phần đối với khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Thương mại VICTA vào ngày 22 tháng 1 năm 2025.

Chi tiết các khoản dự phòng đầu tư vào các công ty con như sau:

VND

	Ngày 30 tháng 6 năm 2025	*Ngày 31 tháng 12 năm 2024*
Công ty TNHH Thực phẩm AFC	(3.995.625.286)	(3.995.625.286)
Công ty Cổ phần Công nghệ Nông sản Á Châu	(2.634.929.433)	(2.634.929.433)
Công ty Cổ phần Mekong Delta Gourmet	(1.390.668.777)	(1.390.668.777)
Công ty Cổ phần Asia Specialty Ingredients	(1.136.662.994)	(1.136.662.994)
TỔNG CỘNG	**(9.157.886.490)**	**(9.157.886.490)**

10.2 Đầu tư vào công ty liên kết

Chi tiết khoản đầu tư vào công ty liên kết như sau:

Tên công ty liên kết	*Hoạt động kinh doanh*	*Tình trạng*	*Ngày 30 tháng 6 năm 2025*	
			% sở hữu (%)	*Giá trị VND*
Công ty Cổ phần Thực phẩm G.C	Bán buôn thực phẩm	Đang hoạt động	42,43	301.802.120.465

11. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

VND

	Ngày 30 tháng 6 năm 2025	*Ngày 31 tháng 12 năm 2024*
Ngắn hạn	**892.562.589**	**896.937.938**
Phần mềm	477.629.763	571.645.419
Phí bảo hiểm	184.014.426	74.277.687
Công cụ, dụng cụ	95.021.389	8.262.299
Khác	135.897.011	242.752.533
Dài hạn	**135.012.837.975**	**135.536.335.646**
Tiền thuê đất	128.025.474.486	128.450.002.788
Chi phí sửa chữa văn phòng	4.387.811.507	3.667.520.244
Công cụ, dụng cụ	845.159.450	664.171.371
Khác	1.754.392.532	2.754.641.243
TỔNG CỘNG	**135.905.400.564**	**136.433.273.584**

12. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

VND

	Ngày 30 tháng 6 năm 2025	*Ngày 31 tháng 12 năm 2024*
Phải trả cho người bán	1.426.104.743	2.206.070.056
- *Công ty TNHH Savills (Việt Nam) - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh*	*430.525.734*	*500.386.119*
- *Công ty TNHH Noventiq Việt Nam*	*34.406.400*	*570.456.000*
- *Egon Zehnder International Pte Ltd*	*-*	*653.059.542*
- *Khác*	*961.172.609*	*482.168.395*
Phải trả cho các bên liên quan *(Thuyết minh số 22)*	6.258.757.529	4.939.160
TỔNG CỘNG	**7.684.862.272**	**2.211.009.216**

13. THUẾ

VND

	Ngày 31 tháng 12 năm 2024	*Tăng trong kỳ*	*Giảm trong kỳ*	*Ngày 30 tháng 6 năm 2025*
Phải nộp				
Thuế thu nhập cá nhân	874.241.233	3.024.026.391	(2.982.250.269)	916.017.355
Thuế nhà thầu	-	74.192.283	(74.192.283)	-
Thuế môn bài	-	4.000.000	(4.000.000)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	2.508.000	(2.508.000)	-
Thuế GTGT	(240.000)	-	-	(240.000)
Khác	-	112.262.000	(112.262.000)	-
TỔNG CỘNG	**874.001.233**	**3.216.988.674**	**(3.175.212.552)**	**915.777.355**
Trong đó:				
Thuế phải nộp	*880.641.233*			*922.417.355*
Thuế nộp thừa	*(6.640.000)*			*(6.640.000)*

14. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

VND

	Ngày 30 tháng 6 năm 2025	*Ngày 31 tháng 12 năm 2024*
Lãi vay phải trả cho các bên liên quan *(Thuyết minh số 22)*	26.112.054.794	14.230.945.209
Lãi vay phải trả cho cá nhân	-	6.497.753.428
Lương tháng 13 và thưởng	4.878.630.000	4.046.509.000
Khác	356.596.412	342.309.836
TỔNG CỘNG	**31.347.281.206**	**25.117.517.473**

15. VAY NGẮN HẠN

VND

	Ngày 31 tháng 12 năm 2024	*Vay trong kỳ*	*Trả trong kỳ*	*Ngày 30 tháng 6 năm 2025*
Vay từ các bên liên quan *(*)*	545.000.000.000	-	-	545.000.000.000
Vay từ cá nhân	90.000.000.000	-	(90.000.000.000)	-
TỔNG CỘNG	**635.000.000.000**	**-**	**(90.000.000.000)**	**545.000.000.000**

(*) Chi tiết các khoản vay tín chấp ngắn hạn từ các bên liên quan để bổ sung vốn lưu động như sau: *(Thuyết minh số 22)*

Tên công ty	*Ngày 30 tháng 6 năm 2025*	*Ngày đáo hạn*
	VND	
Công ty Cổ phần Nguyên liệu Thực phẩm Á Châu Sài Gòn	165.000.000.000	Từ ngày 2 tháng 8 năm 2025 đến ngày 15 tháng 10 năm 2025
Công ty Cổ phần Hóa chất Á Châu	200.000.000.000	Ngày 17 tháng 7 năm 2025 đến ngày 24 tháng 6 năm 2026
Công ty Cổ phần Thương mại VICTA	100.000.000.000	Ngày 8 tháng 7 năm 2025
Công ty Cổ phần Á Châu Hoa Sơn	80.000.000.000	Ngày 4 tháng 7 năm 2025
TỔNG CỘNG	**545.000.000.000**	

16. VỐN CHỦ SỞ HỮU

16.1 Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu

VND

	Vốn cổ phần	*Thặng dư vốn cổ phần*	*Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối*	*Tổng cộng*
Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024				
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2023	1.706.012.980.000	174.000.000.000	778.012.102.801	2.658.025.082.801
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	212.194.151.529	212.194.151.529
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2024	1.706.012.980.000	174.000.000.000	990.206.254.330	2.870.219.234.330
Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025				
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2024	1.706.012.980.000	174.000.000.000	981.753.062.898	2.861.766.042.898
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	337.674.861.396	337.674.861.396
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2025	1.706.012.980.000	174.000.000.000	1.319.427.924.294	3.199.440.904.294

16. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

16.2 *Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu*

VND

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025	*Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024*
Vốn cổ phần đã phát hành		
Số đầu kỳ và số cuối kỳ	1.706.012.980.000	1.706.012.980.000

16.3 *Cổ phiếu*

	Số lượng cổ phiếu	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2025	*Ngày 31 tháng 12 năm 2024*
Cổ phiếu được phép phát hành	170.601.298	170.601.298
Cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ	170.601.298	170.601.298
Cổ phiếu phổ thông	*170.601.298*	*170.601.298*
Cổ phiếu đang lưu hành	170.601.298	170.601.298
Cổ phiếu phổ thông	*170.601.298*	*170.601.298*

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành là 10.000 VND/cổ phiếu.

17. DOANH THU

17.1 *Doanh thu về bán hàng và cung cấp dịch vụ*

VND

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025	*Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024*
Doanh thu cho thuê văn phòng và dịch vụ tiện ích	11.186.091.092	10.228.831.696
Doanh thu bán hàng hóa	5.983.227.380	-
TỔNG CỘNG	**17.169.318.472**	**10.228.831.696**
Trong đó:		
Doanh thu từ bên liên quan (Thuyết minh số 22)	*11.108.091.092*	*10.153.377.148*
Doanh thu từ các bên khác	*6.061.227.380*	*75.454.548*

17. DOANH THU (tiếp theo)

17.2 Doanh thu hoạt động tài chính

VND

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025	*Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024*
Thu nhập từ cổ tức	377.079.096.000	232.511.590.000
Lãi tiền gửi ngân hàng	1.081.819.331	83.566.506
Lãi tiền cho các bên liên quan vay *(Thuyết minh số 22)*	504.041.097	-
TỔNG CỘNG	**378.664.956.428**	**232.595.156.506**

18. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

VND

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025	*Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024*
Giá vốn hàng hóa	5.771.135.000	-
Giá vốn dịch vụ cung cấp	5.488.022.733	5.376.780.109
TỔNG CỘNG	**11.259.157.733**	**5.376.780.109**

19. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

VND

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025	*Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024*
Chi phí lãi vay bên liên quan *(Thuyết minh số 22)*	14.478.917.804	3.060.917.808
Chi phí lãi vay khác	1.624.438.353	1.775.342.466
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái	3.552.709	-
TỔNG CỘNG	**16.106.908.866**	**4.836.260.274**

20. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

VND

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025	*Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024*
Chi phí nhân viên	19.901.350.046	11.554.396.371
Chi phí thuê văn phòng, nhà xưởng, thuê đất	1.148.280.078	1.148.280.078
Chi phí khấu hao và hao mòn	778.118.509	764.656.002
Khác	8.829.948.597	6.929.481.163
TỔNG CỘNG	**30.657.697.230**	**20.396.813.614**

21. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") áp dụng cho Công ty là 20% thu nhập chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính riêng giữa niên độ có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

21.1 Chi phí thuế TNDN

Dưới đây là đối chiếu giữa chi phí thuế TNDN và kết quả của tổng lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

VND

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025	*Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024*
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	**337.677.369.396**	**212.194.151.529**
Thuế TNDN theo thuế suất 20% áp dụng cho Công ty	67.535.473.879	42.438.830.306
Các khoản điều chỉnh:		
Thu nhập không chịu thuế	(75.415.819.200)	(46.502.318.000)
Chi phí không được trừ	910.136.013	80.474.891
Lỗ tính thuế chưa được ghi nhận thuế hoãn lại	6.970.209.308	3.983.012.803
Điều chỉnh thuế TNDN trích thiếu trong các năm trước	2.508.000	-
Chi phí thuế TNDN	**2.508.000**	**-**

21.2 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải nộp được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của kỳ hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Công ty khác với tổng lợi nhuận kế toán trước thuế được trình bày trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải nộp của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

21. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

21.3 Lỗ chuyển sang các năm sau

Công ty được phép chuyển các khoản lỗ thuế sang năm sau để bù trừ với lợi nhuận thu được trong vòng 5 năm liên tục kể từ sau năm phát sinh khoản lỗ đó. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ, Công ty có các khoản lỗ thuế lũy kế với tổng giá trị là 105.333.813.693 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2024: 70.482.767.154 VND) có thể sử dụng để bù trừ với lợi nhuận phát sinh trong tương lai. Chi tiết như sau:

VND

Năm phát sinh	*Có thể chuyển lỗ đến năm*	*Lỗ thuế*	*Đã chuyển lỗ đến ngày 30 tháng 6 năm 2025*	*Không được chuyển lỗ*	*Chưa chuyển lỗ đến ngày 30 tháng 6 năm 2025*
2020	2025	1.634.599.571	-	-	1.634.599.571
2023	2028	17.690.244.000	-	-	17.690.244.000
2024	2029	51.157.923.583	-	-	51.157.923.583
2025	2030	34.851.046.539	-	-	34.851.046.539
TỔNG CỘNG		**105.333.813.693** *(*)*	**-**	**-**	**105.333.813.693**

(*) Lỗ thuế ước tính theo tờ khai thuế của Công ty chưa được cơ quan thuế địa phương quyết toán vào ngày lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này.

Công ty chưa ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại đối với số lỗ thuế chuyển sang năm sau do không thể dự tính được lợi nhuận trong tương lai tại thời điểm này.

22. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan tại ngày 30 tháng 6 năm 2025 như sau:

Bên liên quan	*Mối quan hệ*
Công ty Cổ phần Hóa chất Á Châu ("ACC")	Công ty con
Công ty Cổ phần Nguyên liệu Thực phẩm Á Châu Sài Gòn ("AFI")	Công ty con
Công ty Cổ phần Chế biến Dừa Á Châu ("ACP")	Công ty con
Công ty Cổ phần APIS ("APIS")	Công ty con
Công ty TNHH Thực phẩm AFC ("AFC")	Công ty con
Công ty Cổ phần Thương mại VICTA ("VICTA")	Công ty con
Công ty Asia Chemical Corporation (ACC) Pte. Ltd ("ACC PTE")	Công ty con
Công ty Cổ phần Á Châu Hoa Sơn ("AHS")	Công ty con
Công ty TNHH Á Châu Healthcare ("AHC")	Công ty con
Công ty Cổ phần Công nghệ Nông sản Á Châu ("ATC")	Công ty con
Công ty Cổ phần Mekong Delta Gourmet ("MDG")	Công ty con
Công ty Cổ phần Asia Specialty Ingredients ("ASI")	Công ty con
Công ty Cổ phần Thực phẩm Asia Shimakyu ("AFS")	Công ty con
Công ty Cổ phần Sinh phẩm Nature ACH ("Nature ACH")	Công ty liên doanh *(đến ngày 15 tháng 1 năm 2025)*
Công ty Cổ phần Tảo Vĩnh Hảo ("TVH")	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Công nghiệp Lạnh Á Châu ("ACI")	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Thực phẩm G.C ("GCF")	Công ty liên kết
Ông Bernhard Hackl	Chủ tịch Hội đồng Quản trị ("HĐQT") *(từ ngày 1 tháng 3 năm 2025 đến ngày 20 tháng 6 năm 2025)*
Ông Nguyễn Thiên Trúc	Chủ tịch HĐQT *(đến ngày 1 tháng 3 năm 2025 và từ ngày 20 tháng 6 năm 2025)*; Thành viên HĐQT *(từ ngày 1 tháng 3 năm 2025 đến ngày 20 tháng 6 năm 2025)*
Ông Phạm Đăng Long	Thành viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc kiêm Tổng Giám đốc tại công ty con
Ông Nguyễn Bá Lương	Thành viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc
Ông Lars Kjaer	Thành viên HĐQT
Ông Nguyễn Quốc Bình	Thành viên HĐQT
Ông Bharat Venkatarama	Thành viên HĐQT
Bà Lê Ngọc Sang	Trưởng Ban Kiểm soát
Bà Đỗ Thị Kim Chung	Thành viên Ban kiểm soát
Bà Hà Thị Bích Vân	Thành viên Ban kiểm soát
Ông Nguyễn Bảo Tùng	Tổng Giám đốc
Ông Trần Việt Hùng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Thảo	Giám đốc Tài chính *(đến ngày 6 tháng 5 năm 2025)*
Bà Nguyễn Thị Lệ Thủy	Giám đốc Tài chính *(từ ngày 6 tháng 5 năm 2025)*
Ông Nguyễn Viết Hùng	Cổ đông, Thành viên HĐQT tại công ty con *(đến ngày 1 tháng 7 năm 2024)*
Ông Phan Duy Hiếu	Phó Tổng Giám đốc; Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc tại công ty con
Ông Huỳnh Thanh Lâm	Phó Tổng Giám đốc

22. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 và ngày 30 tháng 6 năm 2024 được trình bày như sau:

VND

Bên liên quan	*Nội dung nghiệp vụ*	*Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025*	*Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024*
ACC	Cổ tức được chia	190.213.856.000	166.437.124.000
	Cổ tức thực nhận	70.000.000.000	36.330.196.000
	Doanh thu cung cấp dịch vụ	4.233.582.539	3.875.901.462
	Lãi vay	4.919.863.011	468.493.151
	Nhận vay	-	150.000.000.000
APIS	Cổ tức được chia	10.005.400.000	5.002.700.000
	Doanh thu cung cấp dịch vụ	1.729.745.160	1.580.794.184
	Mua hàng	95.377.760	37.691.104
VICTA	Nhận hoàn trả vốn góp	69.982.600.000	129.967.680.000
	Cổ tức được chia	37.490.680.000	10.997.266.000
	Cổ tức thực nhận	37.490.680.000	10.997.266.000
	Lãi vay	2.804.575.344	319.397.259
	Doanh thu cung cấp dịch vụ	1.763.865.225	1.611.932.306
	Nhận vay	-	100.000.000.000
	Mua tài sản cố định	-	1.598.035.000
	Mua công cụ, dụng cụ	-	350.160.000
	Thuê văn phòng và dịch vụ tòa nhà khác	-	158.144.218
ACP	Thu hồi nợ vay	15.000.000.000	-
	Cổ tức thực nhận	5.000.000.000	27.270.000.000
	Doanh thu cung cấp dịch vụ	844.855.004	772.267.116
	Mua hàng hóa	12.100.000	-
	Lãi cho vay	83.630.137	-
	Nhận lãi cho vay	194.383.562	-
AFI	Cổ tức được chia	117.525.000.000	39.175.000.000
	Mua hàng	5.771.135.000	-
	Lãi vay	4.500.205.479	1.927.657.535
	Lãi vay đã trả	2.597.808.219	-
	Doanh thu cung cấp dịch vụ	2.536.043.164	2.312.482.080
	Nhận vay	-	165.000.000.000
AHS	Lãi vay	2.254.273.970	208.164.384
	Nhận vay	-	80.000.000.000
	Cổ tức được chia	-	10.899.500.000
Ông Nguyễn Viết Hùng	Nhận chuyển nhượng cổ phần	-	239.000.000.000
MDG	Góp vốn	-	83.000.000.000
GCF	Cổ tức được chia	21.844.160.000	-
	Cổ tức thực nhận	21.844.160.000	-

22. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 và ngày 30 tháng 6 năm 2024 được trình bày như sau: (tiếp theo)

VND

Bên liên quan	*Nội dung nghiệp vụ*	*Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025*	*Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024*
ASI	Cho vay	10.000.000.000	-
	Lãi cho vay	420.410.960	-
	Góp vốn	-	37.350.000.000
	Nhận vay	-	25.000.000.000
	Trả gốc vay	-	10.000.000.000
	Lãi vay	-	137.205.479

Các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan vào ngày kết thúc kỳ kế toán riêng giữa niên độ như sau:

VND

Bên liên quan	*Nội dung nghiệp vụ*	*Ngày 30 tháng 6 năm 2025*	*Ngày 31 tháng 12 năm 2024*
Phải thu ngắn hạn của khách hàng			
VICTA	Cung cấp dịch vụ	21.783.061	19.433.148
APIS	Cung cấp dịch vụ	14.168.295	12.416.570
ACP	Cung cấp dịch vụ	2.649.933	6.969.192.978
AFI	Cung cấp dịch vụ	2.535.453	8.615.089.546
ACC	Cung cấp dịch vụ	-	67.075.145
		41.136.742	**15.683.207.387**
Phải thu về cho vay ngắn hạn			
ASI	Cho vay	20.000.000.000	10.000.000.000
ACP	Cho vay	-	15.000.000.000
		20.000.000.000	**25.000.000.000**
Phải thu ngắn hạn khác			
ACC	Cổ tức được chia	120.213.856.000	-
AFI	Cổ tức được chia	117.525.000.000	-
ACP	Cổ tức được chia	7.000.000.000	12.000.000.000
ASI	Lãi cho vay	507.431.507	87.020.547
ACP	Lãi cho vay	-	110.753.425
		245.246.287.507	**12.197.773.972**
Phải trả người bán ngắn hạn			
AFI	Mua hàng hoá	6.232.825.800	-
ACP	Mua hàng hoá	13.068.000	-
APIS	Mua hàng hoá	12.863.729	4.939.160
		6.258.757.529	**4.939.160**

22. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan vào ngày kết thúc kỳ kế toán riêng giữa niên độ như sau: (tiếp theo)

VND

Bên liên quan	*Nội dung nghiệp vụ*	*Ngày 30 tháng 6 năm 2025*	*Ngày 31 tháng 12 năm 2024*
Chi phí phải trả ngắn hạn			
ACC	Lãi vay	10.873.287.672	5.953.424.661
VICTA	Lãi vay	6.047.808.221	3.243.232.877
AFI	Lãi vay	4.389.452.051	2.487.054.791
AHS	Lãi vay	4.801.506.850	2.547.232.880
		26.112.054.794	**14.230.945.209**
Vay ngắn hạn			
AFI	Nhận vay	165.000.000.000	165.000.000.000
ACC	Nhận vay	200.000.000.000	200.000.000.000
VICTA	Nhận vay	100.000.000.000	100.000.000.000
AHS	Nhận vay	80.000.000.000	80.000.000.000
		545.000.000.000	**545.000.000.000**

Thu nhập của các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát:

VND

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025	*Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024*
Hội đồng Quản trị		
Thù lao	580.000.000	600.000.000
Ban Tổng Giám đốc		
Lương và thưởng	2.604.079.834	2.098.268.750
Ban Kiểm soát		
Thù lao	66.000.000	66.000.000
TỔNG CỘNG	**3.250.079.834**	**2.764.268.750**

23. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Công ty hiện đang thuê văn phòng theo các hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ, các khoản tiền thuê phải trả tối thiểu trong tương lai theo các hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

VND

	Ngày 30 tháng 6 năm 2025	*Ngày 31 tháng 12 năm 2024*
Đến 1 năm	1.006.630.452	1.006.630.452
Từ 1 đến 5 năm	4.026.521.808	4.026.521.808
Trên 5 năm	36.701.399.756	37.202.156.729
TỔNG CỘNG	**41.734.552.016**	**42.235.308.989**

24. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Vào ngày 29 tháng 4 năm 2025, Hội đồng quản trị của Công ty đã phê duyệt Nghị quyết Số 07/2025/NQ-HĐQT về việc mua 7.135.000 cổ phiếu phát hành riêng lẻ của Công ty Cổ phần Thực phẩm G.C ("GCF"). Vào ngày 25 tháng 7 năm 2025, Công ty đã hoàn tất việc mua số lượng cổ phiếu nói trên với tổng số tiền là 214.050.000.000 VND. Theo đó, tỷ lệ sở hữu của Công ty trong GCF tăng từ 42,43% lên 52,87%, và chính thức trở thành công ty mẹ nắm quyền chi phối GCF kể từ thời điểm này.

Ngoài sự kiện nêu trên, không có sự kiện nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty.

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 28 tháng 8 năm 2025

Vũ Minh Đức	Nguyễn Thị Ánh Ngọc	Nguyễn Bảo Tùng
Người lập	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc

EY | Building a better working world

EY is building a better working world by creating new value for clients, people, society and the planet, while building trust in capital markets.

Enabled by data, AI and advanced technology, EY teams help clients shape the future with confidence and develop answers for the most pressing issues of today and tomorrow.

EY teams work across a full spectrum of services in assurance, consulting, tax, strategy and transactions. Fueled by sector insights, a globally connected, multi-disciplinary network and diverse ecosystem partners, EY teams can provide services in more than 150 countries and territories.

All in to shape the future with confidence.

EY refers to the global organization, and may refer to one or more, of the member firms of Ernst & Young Global Limited, each of which is a separate legal entity. Ernst & Young Global Limited, a UK company limited by guarantee, does not provide services to clients. Information about how EY collects and uses personal data and a description of the rights individuals have under data protection legislation are available via ey.com/privacy. EY member firms do not practice law where prohibited by local laws. For more information about our organization, please visit ey.com.

© 2025 Ernst & Young Vietnam Limited. All Rights Reserved.

ey.com/en_vn